

# SAU 100 NĂM - TỪ NGUỒN SÁNG ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

PHONG LÊ<sup>(\*)</sup>

*Năm 2007 là chẵn 100 năm khai mở và kết thúc Đông Kinh nghĩa thực (ĐKNT)<sup>(\*\*)</sup> - ngôi trường tư thực đầu tiên, hay nói đúng hơn là một phong trào - phong trào ĐKNT nhằm đem lại một chuyển đổi cách mạng về nội dung và phương thức hoạt động trong lịch sử giáo dục Việt Nam. Phỏng theo mô hình Khánh Ứng nghĩa thực của Nhật Bản, ĐKNT chủ trương đưa tư tưởng dân chủ và văn minh phương Tây thay cho kinh điển Nho gia để chuyển đổi đầu óc quốc dân, chấn hưng công nghệ và canh tân đất nước. Từ địa chỉ số 4 Hàng Đào, Hà Nội - nhà riêng của Thục trưởng Lương Văn Can, ĐKNT nhanh chóng mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều tỉnh ở Bắc bộ và Trung bộ; và gây nên một chấn động lớn trong đời sống tinh thần dân tộc vào thập niên đầu thế kỷ XX. ĐKNT bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội sau 7 tháng hoạt động, nhưng tinh thần canh tân đất nước, và tư tưởng cốt lõi: có canh tân (đổi mới) đất nước mới giành và giữ được đất nước của ĐKNT là vẫn có giá trị cho một thế kỷ để đến với sự nghiệp Đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo từ hai thập niên cuối thế kỷ XX.*

Năm nay, năm 2007 là chẵn 100 năm khai mở và kết thúc trường ĐKNT.

Đó là trường tư thực (dân lập) đầu tiên, đem lại một chuyển đổi cách mạng về nội dung và phương thức hoạt động trong lịch sử giáo dục Việt Nam.

Trước đó hàng ngàn năm, nền giáo dục và khoa cử ở ta là một khuôn hình ổn định, nhằm đào tạo các thế hệ kè Sĩ, để làm quan hoặc làm thầy. Và khi chủ nghĩa thực dân Pháp thiết lập được nền thống trị, sau kết thúc phong trào Cần Vương, vào những năm cuối thế kỷ XIX, thì một nền giáo dục Pháp Việt cũng chỉ mới bước đầu hình

thành nhằm phục vụ cho mục tiêu “khai hoá” của ông chủ lớn là nước Mệ Đại Pháp...

Còn ĐKNT phỏng theo mô hình Khánh ứng nghĩa thực (Keio Giguku) của Phúc-trạch-dụ-cát (Fukuzawa Yukichi) khai giảng năm 1858 ở Nhật Bản, là nhằm đưa tư tưởng dân chủ và văn minh khoa học Thái Tây thay cho kinh điển Nho gia để chuyển đổi đầu óc quốc dân, chấn hưng công nghệ và thực nghiệm, và canh tân đất nước. Thay cho cái học cử tử “chi hồ, dã dã”

(\*) GS. Viện Văn học, Viện KHXH Việt Nam.

(\*\*) Khai giảng tháng 3/1907; đóng cửa tháng 12/1907.

sẽ là lịch sử, địa dư, cách trí, toán pháp... Là những lý thuyết mới đến từ các trào lưu triết học và tư tưởng dân chủ của phương Tây, qua những cái tên lạ mà hấp dẫn, lần đầu tiên đến với giới trí thức Nho học Việt Nam, như A-lý-sĩ-đa-đức (Aristote), Tư-cách-lạp-đề (Socrate), Bá-lạp-đô (Platon), Bôi-căn (Bacon), Đích-tạ-nhi (Descartes)... Rồi Lư-thoa (Rousseau), Mạnh-đức-tư-cưu (Montesquieu), Phúc-lộc-đặc-nhĩ (Voltaire)... Rồi các danh nhân như Bỉ-đắc-đại-đế (Pierre le Grand), Hoa-thịnh-đốn (Washington), Nã-phá-luân (Napoléon)... Là *Văn minh tân học sách*, với 6 phương án: dùng văn tự nước nhà, hiệu đính sách vở, sửa đổi phép thi, cổ vũ nhân tài, chấn hưng công nghệ, mở toà báo... để dạy cho quốc dân cách thức tự cường, vươn lên, bình đẳng với thiên hạ. Là cả một hệ sách giáo khoa nhằm vào lịch sử dân tộc gồm những *Quốc dân độc bản, Quốc văn giáo khoa thư, Nam quốc giai sử, Nam quốc vĩ nhân truyện, Nam quốc sử lược, Nam quốc địa dư*... bên cạnh *Ấm băng thất* của Lương Khải Siêu, *Trung Quốc hồn, Doanh hoàn chí lược*... Là sự tiếp nhận và phổ cập cả một phong trào thơ văn yêu nước từng sôi nổi suốt nửa thế kỷ trước và bây giờ được tiếp tục trên tinh thần mới, như *Kêu hồn nước, Phen này cắt tóc đi tu* (Nguyễn Quyền), *Đề tỉnh quốc dân ca* (Khuyết danh), *Đề tỉnh quốc dân hồn, Hải ngoại huyết thư* (Phan Bội Châu), *Tỉnh quốc hồn ca* (Phan Châu Trinh), *Thiết tiền ca* (Nguyễn Phan Lãng), *Bài ca địa dư và lịch sử nước nhà* (Ngô Quý Siêu), *Á-tế-á ca, Kể chuyện năm châu*... Là *Cáo hủ lậu văn* để phê phán

và phủ định cái học hủ lậu hàng nghìn năm và kêu gọi hướng tới một nền học mới... Đây là một cơ hội hiếm có, để cho tất cả những tri thức mới cùng thơ văn yêu nước đến được trực tiếp với công chúng là người đọc, người học, người giảng, người nghe, trong bối cảnh một cuộc duy tân vừa phát động đã trở nên sôi động, nhờ vào phương thức hoạt động có tổ chức tương đối bài bản: không chỉ là giảng dạy mà còn là tuyên truyền, cổ động; không chỉ là lý thuyết sách vở mà gắn với thực nghiệm; không chỉ là thuyết trình mà còn là biên soạn và nhân rộng, “phát tán” các tài liệu... Và cái mới khi đã được công chúng đón nhận trong tâm lý hồ hởi thì sẽ có sức lan toả rất nhanh chóng; chỉ riêng một chuyện kêu gọi cắt tóc mà thành phong trào lan khắp các đô thị Bắc và Trung - *phong trào cắt tóc* (mouvement de la tonsure) đến từ thơ văn và tràn vào thơ văn: “Cúp hè! Cúp hè! Thẳng thẳng cho khéo. Bỏ cái hèn này. Bỏ cái đại này. Cho khôn cho mạnh. Ở với ông Tây!”; nói rằng: “Ở với ông Tây”, nhưng rồi sẽ bị chính ông chủ Tây truy đuổi và cấm đoán.

Từ địa chỉ 4 Hàng Đào (nhà riêng của cụ Cử Lương Văn Can), ĐKNT nhanh chóng mở rộng địa bàn hoạt động, không chỉ ở thủ đô 36 phố phường mà còn loang ra nhiều tỉnh thành khác như Sơn Tây, Hà Đông, Thái Bình, Hải Dương, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận... Chỉ khoảng một năm hoạt động, trong đó có ba tháng chưa có giấy phép, ĐKNT đã gây nên một chấn động trong đời sống văn hoá- tinh thần của dân tộc.

Nếu hiểu đồng thời với ĐKNT, Nguyễn Khuyến còn âm thầm làm thơ

Nôm, và tìm thú vui trong xướng hoạ với vài bạn tri âm ở làng Bùi; và Tú Xương chỉ mới kết thúc nghiệp thi cử sau 8 khoa đeo đẳng mà không vượt được cái ngưỡng Tú tài; và mãi đến năm 1919 khoa thi chữ Hán cuối cùng bị bãi bỏ thì mới thấy sự sôi động của nền học mới mà ĐKNT khởi xướng cho đời sống học đường là đột xuất biết chừng nào.

Nếu nhớ rằng, chỉ mới dăm năm trước đó, vào mở đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp sau khi dập tắt phong trào Cần Vương, đã bắt tay ngay vào cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất một cách yên tâm và vững chí như trong Báo cáo gửi về Bộ Thuộc địa ở Paris của Toàn quyền Paul Doumer, người vừa mới cho khánh thành vào năm 1902 chiếc cầu lớn mang chính tên mình, bắc qua sông Hồng (nay là cầu Long Biên): “Mấy năm nay không một người lính Pháp nào chết vì trận mạc ở Đông Dương”; và lời phụ hoạ của Nguyễn Thân - kẻ đã cho thiêu xác Phan Đình Phùng thành tro rồi bán xuống sông La, là “cao trảm vô ưu” (cứ gối cao đầu mà ngủ chẳng phải lo lắng gì), thì sự xuất hiện của phong trào Đông du, Duy tân và ĐKNT từ sau 1905 là một bất ngờ lịch sử lớn đến thế nào đối với chính quyền thuộc địa. Nhưng đối với dân tộc, trong chặng đường ngắn rất mực im ắng này, lại là một chuẩn bị âm thầm và quyết liệt của cả một thế hệ nhà Nho có được sự tiếp xúc với tư tưởng dân chủ và văn minh phương Tây, đến từ Tân thư, đang trong khao khát tìm đường như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế... và những người rồi sẽ chủ trì ĐKNT như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền,...

Với ĐKNT - đó là một cuộc tập hợp lực lượng trí thức rộng rãi và đông

đảo nhất trong lịch sử, nhằm vào mục tiêu canh tân, phục hưng đất nước, bởi cái ý thức sâu sắc có canh tân thì mới cứu được nước. Do mục tiêu đó nên những người chủ trì và cộng tác của ĐKNT, tất cả đều là những nhà Nho có đầu óc canh tân trong cả hai phái bạo động và cải cách, “ám xã” và “minh xã”, gồm từ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn, Trần Quý Cáp... đến Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Đào Nguyên Phổ, Nguyễn Quyền, Lương Văn Can...; cùng một số trí thức Tây học cũng có vốn Nho học, đang mong muốn tạo một gương mặt mới cho văn hoá, văn chương, học thuật dân tộc như Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn...

Chuyển giao từ nền học cũ sang nền học mới, ĐKNT chủ trương dạy cả ba loại chữ: Pháp, Hán, Quốc ngữ; trong đó *Pháp* đương nhiên là được lòng chính quyền, nhưng sự thật cũng là rất cần để cho giới trí thức trực tiếp đến với nền văn minh chính quốc sau con đường gián tiếp qua Tân thư; *Hán* - thì mặc dù đã có người quyết liệt phản đối như Phan Châu Trinh: “Bất phế Hán tự bất túc dĩ cứu Nam quốc” (Không bỏ chữ Hán không cứu được nước), nhưng vẫn cần học để không cắt đứt với văn hoá truyền thống; còn *Quốc ngữ* thì đương nhiên ở vị trí ưu tiên: “Chữ Quốc ngữ là hồn của nước”... “Chữ ta ta phải thuộc lâu...”. Ba loại chữ cho cả ba bậc học: tiểu, trung và đại học; và cho cả hai hệ học sinh nam và nữ - một hiện tượng cực kỳ mới mẻ, chưa từng có trong lịch sử.

Gọi là trường ĐKNT, nhưng thực chất là một *phong trào* - phong trào ĐKNT bởi quy mô hoạt động của nó là gồm đến bốn Ban: Ban Giáo dục, Ban Tài chính, Ban Cổ động, Ban Tu thư

nhằm chăm lo cho sự tồn tại và mở rộng hoạt động của ĐKNT, để từ *khởi động* là *giáo dục* với mục tiêu cải tạo và nâng cao dân trí mà *chuyển sang văn hoá* với mục tiêu là chấn hưng và canh tân đất nước, để đi đến cái *đích cuối cùng* là giải phóng dân tộc.

Ta hiểu vì sao trong các tài liệu giáo khoa và thơ văn yêu nước được dùng để giảng dạy ở ĐKNT lại xuất hiện nhiều và dồn dập đến thế những *Nam quốc, quốc dân, quốc hồn* và *hồn nước*, với một thiết tha “*đề tỉnh*”.

Và câu thơ đúc kết được đầy đủ nhất tinh thần ĐKNT, đó là:

*Tụng kinh Độc lập ở chùa Duy tân*

Một thức nhận với những mục tiêu và biện pháp tổ chức như thế vào thập niên mở đầu thế kỷ XX, khi đất nước còn trong tối tăm mù mịt sau thất bại của biết bao tên tuổi sỹ phu - văn thân trong suốt nửa thế kỷ trước đó, phải nói là cực kỳ mới mẻ.

Bị bủa vây và rình rập của chính quyền thuộc địa, sự tồn tại của một trường tư thực phải tìm đến sự tập hợp rất lớn của đội ngũ trí thức, và sự hưởng ứng của quốc dân đang khao khát một cuộc đổi mới (canh tân), để khua dậy một cơn mê ngủ kéo quá dài trong lịch sử; bởi, theo họ, chính vì cơn mê ngủ đó mà đưa tới thảm hoạ mất nước:

*Sao không đập mạnh thét dài*

*Cho người mê ngủ ai ai tỉnh dân?*

*Sao không chống mảng mê tân*

*Cho người chìm đuối lần lần vượt lên?*

*(Cáo hủ lậu văn)*

Tất nhiên đến được đích ấy, con đường còn rất xa; nhưng ít nhất phải có được một tỉnh thức, như một khởi động.

Và tất nhiên, chỉ một khởi động như thế, với gương mặt ngỡ như rất ôn hoà, chỉ nhằm cải tạo và nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, thế mà thực dân đã rất kinh sợ. Bởi, với giác quan

nhậy cảm của kẻ đi xâm lược, bọn chúng đã “ngủ” thấy một cái gì thật bất an đang nhen nhóm ở phía dưới. Trong gắn nối với phong trào Duy tân và Đông du hai năm về trước, và trong sự bùng nổ về sau, vào năm 1908, phong trào chống thuế ở Quảng Nam, cuộc bạo động của Đề Thám và vụ đầu độc Hà thành, ĐKNT đã bị đóng cửa sau 9 tháng hoạt động. Và ít lâu sau ngày đóng cửa, gần như tất cả những ai có liên quan và đóng góp cho ĐKNT đều bị bắt, rồi bị giam cầm, đẩy ra Côn Đảo, với những cái án giam hàng chục năm, có người là chung thân, hoặc “trảm giam hậu” (tội chém nhưng chưa phải chém ngay); trong đó Lê Đại chịu án 15 năm, nhiều người khác chịu án chung thân; riêng Phan Châu Trinh bị “trảm quyết” sau đổi thành “trảm giam hậu”...

Có thể nói sau cuộc tàn sát năm Thân (1908), năm Dậu (1909) diễn ra ngay sau ngày ĐKNT vỡ, cả một thế hệ trí thức Nho học yêu nước có đầu óc canh tân đã bị giam cầm, đầy ải. Hết đất hoạt động, trong thân phận bị tù đầy hoặc giam lỏng, họ chỉ có thể ngụy tâm sự và ý chí của mình vào những vần thơ cảm khái, làm nên một dòng thơ tù đặc sắc, khởi phát từ Côn Lôn của Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn... tiếp tục dòng thơ yêu nước ở ngoài đời. Có người trở lại việc ôn luyện Quốc ngữ hoặc học tiếng Pháp chỉ bằng một cuốn Từ điển, nhằm chuẩn bị hành trang cho ngày vượt tù hoặc ra tù. Cho đến hết Thế chiến Một, các án giam lần lượt được giảm, để vào mở đầu thập niên 20, họ lần lượt được trả tự do. Báo chí trở thành môi trường quan trọng cho sự tiếp tục chí hướng cách mạng của họ, như Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Khôi... Nhưng thời thế đã thay đổi kể từ sau Cách mạng

tháng Mười Nga 1917. Sứ mệnh lịch sử giải phóng dân tộc đã chuyển sang vai một thế hệ mới, thế hệ con em của họ, mà Nguyễn Ái Quốc là tên tuổi số 1, đã chọn con đường sang phương Tây, và bắt đầu sự nghiệp viết của mình ở tuổi 30 ở Paris, như một động thái chuẩn bị tích cực cho cuộc hành trình mới của dân tộc, với những áng văn đầu tiên khai mạc một thời đại mới - đó là *Yêu sách của nhân dân Việt Nam*, là *Đông Dương thức tỉnh* và *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Nhưng dẫu có bị ngắt quãng, bị đứt đoạn thì tinh thần canh tân đất nước của ĐKNT vẫn có được sự nối tiếp qua các thế hệ; bởi cốt lõi tư tưởng: yêu nước gắn với canh tân (có nghĩa là có đổi mới đất nước mới giành và giữ được đất nước) ĐKNT mở ra là có giá trị cho cả một thế kỷ - để đến với sự nghiệp Đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo từ thập niên cuối thế kỷ XX. Bên cạnh truyền thống yêu nước và bất khuất của dân tộc có lịch sử nhiều nghìn năm thì khát vọng canh tân chỉ có thể có hoàn cảnh phát triển để trở thành phong trào chỉ trong khoảng 100 năm, với khởi đầu rực rỡ và chói sáng là ĐKNT và những gương mặt lớn như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Quý Cáp, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền...

Từ lâu rồi hai gương mặt lịch sử lớn là Phan Bội Châu - lãnh tụ của phong trào Đông du, và Phan Châu Trinh - người khai mạc và cổ súy phong trào Duy tân đã được cả dân tộc xưng tụng; và mối tri ân sâu sắc ấy đã được biểu hiện cao nhất trong phong trào cả nước đòi thả Phan Bội Châu năm 1925, khi nhà ái quốc bị thực dân bắt ở Thượng Hải giải về Hỏa Lò; và phong trào cả nước đòi để tang Phan Châu Trinh năm 1926, khi ông mất ở Sài

Gòn... Thế nhưng còn Cử nhân Lương Văn Can - Thực trưởng ĐKNT thì dường như có bị lu mờ? Không kể vai trò Thực trưởng một phong trào giáo dục có sức chấn động rộng lớn, và chịu một sự đàn áp dữ dội, ông còn phải chịu một án giam hơn 10 năm - cho đến 1923. Ông còn góp vào sự nghiệp cứu nước cả ba người con trai, và một con rể, trong đó người con út là Lương Ngọc Quyến, từng là người đầu tiên, và một mình, sang Nhật hưởng ứng phong trào Đông du của Phan Bội Châu, rồi trở thành lãnh tụ của khởi nghĩa Thái Nguyên. Lương Ngọc Quyến đã nhận một sự hy sinh bi tráng cùng Đội Cấn vào năm 1917 - chẵn 10 năm sau ngày ĐKNT tan vỡ. Lại tiếp 10 năm sau, là ngày Lương Văn Can mất (13-6-1927), dấu chính quyền thực dân đã rất cảnh giác và tìm cách đối phó, nhưng khi hạ huyệt, đám tang của Thực trưởng ĐKNT vẫn có đến hàng ngàn người tham dự.

Lịch sử sẽ đi tiếp hành trình của ĐKNT, trong những sự kiện vang động cả nước vào những năm 20 ngay sau khi kết thúc Thế chiến Một, với tiếng bom nổ ở Sa Điện (Quảng Châu) nhằm mưu sát Toàn quyền Đông Dương Merlin của Phạm Hồng Thái năm 1924, phong trào đòi thả Phan Bội Châu năm 1925, phong trào đòi để tang Phan Châu Trinh năm 1926; và đám tang Lương Văn Can năm 1927; cũng là năm Nguyễn Ái Quốc công bố tác phẩm *Đường Kách mệnh*, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Con đường mở ra cho dân tộc sau các phong trào Đông du, Duy tân và Đông Kinh nghĩa thực, do một thế hệ các nhà Nho chí sĩ mở đường, sẽ vươn tới một tầm cao, một mục tiêu mới, đòi hỏi một nỗ lực lớn, hướng theo sự chỉ dẫn của một Đảng của giai cấp công nhân với lãnh tụ cao nhất là Nguyễn Ái

Quốc, để đón bắt kịp thời thời cơ cách mạng rồi sẽ đến với dân tộc vào thời điểm tháng Tám- 1945 lịch sử.

Thực trưởng Lương Văn Can, nhà yêu nước lớn, và cũng là nhà văn hóa, với nhiều trước tác bằng chữ Hán như *Quốc sự phạm lịch sử, Hán tự tiếp kính, Gia huấn, Hạnh đàn loại ngữ, Trâu thư loại ngữ, ấu học từng đàm, Hán tự quốc âm*, và chữ Nôm: *Đại Việt địa dư*, cùng với gia đình ông đã góp vào lịch sử và lịch sử văn học dân tộc 30 năm đầu thế kỷ XX những dấu son thật rực rỡ. 100 năm đã qua, mỗi dịp đi qua nhà số 4 Hàng Đào (bây giờ là một địa chỉ nằm ở trung tâm phố cổ), nhìn vào mấy cửa hiệu thời trang thấp bé, tôi cố vận dụng trí tưởng tượng để hình dung lại cảnh quan tấp nập, sôi nổi một thời đã diễn ra ở đây:

*Buổi diễn thuyết người đông như hội  
Kỳ bình văn khách tới như mưa*

...

*Trường Nghĩa thực đứng đầu dạy dỗ  
Khấp ba mươi sáu phố Hà thành*

*Gái trai nô nức học hành*

*Giáo sư tám lớp học sinh non ngàn*  
với trung tâm của sự hào hứng là một  
chữ *tân*:

*Mở tân giới, xoay nghề tân học*

*Đón tân trào, dựng cuộc tân dân*

*Tân thư, tân báo, tân văn*

Và sau đó, ghé nhà số 2 Ngõ Phất Lộc, cách số 4 Hàng Đào một dãy phố (Hàng Bạc), và ở tận cùng một con hẻm quanh co, giáp nối với cuối phố Hàng Buồm, để hình dung ba đêm nổi lửa đốt các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ, trong cái rét cuối tháng Chạp Tết Mùi, kết thúc năm 1907, khi ĐKNT có lệnh đóng cửa, mà người dân chung quanh cứ ngỡ là lửa nấu bánh chưng.

Ở một số nước phương Tây tôi có

dịp ghé qua, nhiều khu lưu niệm hoặc kỷ vật cách đây dăm sáu trăm năm vẫn được giữ nguyên; còn ở ta, chỉ mới 100 năm, đã không còn để lại bất cứ dấu vết gì.

Chiều 29 Tết Đinh Hợi - 2007 vừa qua, chen chúc trong dòng người qua lại ở Hàng Đào, tôi đã dừng lại ở nhà số 4, địa chỉ 100 năm trước đây của ĐKNT - nơi phát tích phong trào đổi mới giáo dục quốc dân để hưởng ứng và làm nên một cuộc vận động canh tân - yêu nước của các nhà Nho, bây giờ gần như không còn lại bất cứ dấu tích gì để gọi nhớ một thời. Niềm mong ước của tôi là có một cái biển đồng gắn vào địa chỉ này, để các thế hệ sau biết đến một dấu son xuyên suốt thế kỷ XX, làm gắn nối sự nghiệp Canh tân đầu thế kỷ trước với kết quả công cuộc Đổi mới của dân tộc vào đầu thế kỷ này.

Một thế kỷ cả dân tộc trên cùng một đại lộ, hướng tới mục tiêu *cách mạng* (giành lại chủ quyền đất nước) và *văn minh* (đổi mới đất nước), với các bước đi thần tốc của nó.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Trinh Nhất. Đông Kinh nghĩa thực. H.: Mai Lĩnh, 1938.
2. Phan Bội Châu. Ngục trung thư. Sài Gòn: Tân Việt, 1950.
3. Đặng Thai Mai. Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. H.: Văn hóa, 1961.
4. Nguyễn Hiến Lê. Đông Kinh nghĩa thực. Sài Gòn: Lá Bối, 1968.
5. Chương Thâu. Đông Kinh nghĩa thực. H.: 1982.
6. Trần Đình Hượu. Văn học Việt Nam - Giai đoạn giao thời 1900-1930. H.: Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1988.